| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN TÂN PHÚ**<br>TỈNH ĐỒNG NAI | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh P** |

Bản án số: **40**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 09 - 7 - 2019
*V/v*: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông **Phan Hồng Thạnh**.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông **Nguyễn Quốc Toản**.
2. Ông **Nguyễn Thanh Dũng**.

***Thư ký phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Tuyết Minh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú tham gia phiên tòa***: Ông Phạm Văn Luật – Kiểm sát viên.

Ngày 09/7/2019, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Tân Phú, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2019/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2019 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 31/5/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 26/2019/QĐST – HNGĐ ngày 20/6/2019 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị **Trần Thị Ngọc P**, sinh năm 1983.

*2. Bị đơn:* Anh **Mai Tấn L**, sinh năm 1980.

Cùng địa chỉ: Số nhà 179, tổ 2, ấp 1, xã TC, huyện TP, tỉnh ĐN.

*(Tại phiên tòa vắng mặt chị P (chị P có đơn xin xét xử vắng mặt), anh L)*

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo lời trình bày của chị Trần Thị Ngọc P thể hiện:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Mai Tấn L tự nguyện tìm hiểu yêu thương rồi tiến tới chung sống với nhau vào năm 2004. Hôn nhân của anh chị được Uỷ ban nhân dân xã TC, huyện TP cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 09/02/2004. Cuộc sống chung vợ chồng hạnh P đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh L có quan hệ với người phụ nữ khác dẫn đến vợ

chồng thường xuyên lục đục, cự cãi. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Nay chị không còn tình cảm với anh L nên yêu cầu được ly hôn với anh Mai Tấn L.

Về con chung: Chị và anh L có 01 con chung là Mai Hoàng P, sinh ngày 18/5/2006. Từ khi ly thân, cháu P do chị P trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu P và chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị khai báo chị và anh L không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Chị khai báo chị và anh L không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị P đã cung cấp những tài liệu, chứng cứ sau:

+ 01 (một) CMND của chị P (Bản sao);

+ 01 (một) Giấy khai sinh (Bản sao);

+ 01 (một) Giấy chứng nhận kết hôn (Bản sao);

- Tòa án đã thu thập những tài liệu, chứng cứ sau: Biên bản xác minh của ông Nguyễn TH và ông Lương TH.

Bản sao các tài liệu, chứng cứ này Tòa án đã gửi cho nguyên đơn, bị đơn.

Các tài liệu, chứng cứ nêu trên đã được Tòa án ra thông báo cho các bên đương sự biết đồng thời tiến hành mở phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và ra thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho những người vắng mặt theo đúng quy định của pháp luật.

***Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm:***

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý, giải quyết và tại phiên tòa xét xử sơ thẩm; Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và các đương sự tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn.

+ Về quan hệ hôn nhân: Cho chị P được ly hôn anh L.

+ Về quan hệ nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Anh chị có 01 con chung là Mai Hoàng P, sinh ngày 18/5/2006. Đề nghị giao cháu cho chị P nuôi dưỡng. Tạm thời anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị P không yêu cầu.

+ Về tài sản chung: Chị P kê khai không có và không yêu cầu Tòa án xem xét. Vì không có lời khai của anh L nên khi nào phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

+ Về nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Vì không có lời khai của anh L nên khi nào phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

+ Về án phí: Chị P phải chịu 300.000đ tiền án phí DSST về ly hôn theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa, chị P vắng mặt do chị có đơn xin xét xử vắng mặt, anh L vắng mặt lần hai nên anh chị không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào khác.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:**

[1.1]. Xác định thẩm quyền giải quyết:

Anh Mai Tấn L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Số nhà 179, tổ 2, ấp 1, xã TC, huyện TP, Đồng Nai. Vì vậy, căn cứ theo điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú.

[1.2]. Xác định quan hệ pháp luật: Chị Trần Thị Ngọc P yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn và tranh chấp về nuôi con với anh L vì vậy cần xác định quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[1.3]. Xác định tư cách đương sự: Ngày 09/01/2019 chị P khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh L. Căn cứ theo Khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định chị P là nguyên đơn, anh L là bị đơn trong vụ án.

- Chị P do bận công việc nên việc đi lại tham gia tham gia phiên tòa xét xử gặp khó khăn. Do đó, chị P đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Xét yêu cầu của chị P về việc vắng mặt tại tại phiên tòa xét xử là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Căn cứ vào khoản 1 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

- Tại phiên tòa, anh L vắng mặt lần thứ 2 không có lý do chính đáng mặc dù Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố Tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt anh L.

**[2]. Về áp dụng pháp luật nội dung:**

Xét nội dung yêu cầu trong đơn khởi kiện của chị P:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Hôn nhân giữa chị P, anh L được xác lập vào năm 2004, hôn nhân của anh chị được Ủy ban nhân dân xã Trà Cổ cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày

09/02/2004. Chị P có đơn yêu cầu ly hôn thì Tòa án giải quyết theo thủ tục chung về ly hôn mà Luật Hôn nhân và Gia đình quy định.

Xét lời khai của chị P, anh L và tài liệu, chứng cứ thu thập trong quá trình tiến hành tố tụng thể hiện: Năm 2004, chị P, anh L tự nguyện kết hôn, sau khi tổ chức lễ cưới, đời sống chung vợ chồng hạnh P đến giữa năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, xích mích do vợ chồng không đồng lòng đồng sức chăm lo cho gia đình, vợ chồng không tin tưởng nhau dẫn đến vợ chồng thường xuyên lục đục, cự cãi. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, chị P, anh L ít qua lại, thông tin liên lạc và không trực tiếp trao đổi để vợ chồng có cơ hội về chung sống đoàn tụ với nhau. Do thời gian sống ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn nên chị P làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục cấp, tống đạt, niêm yết: Thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập đương sự và các tài liệu, chứng cứ do đương sự giao nộp cũng như Tòa án thu thập được cho các bên đương sự. Tòa án đã thông báo và mở phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ chị P không có ý kiến gì và không bổ sung gì thêm. Bị đơn anh L vắng mặt đã được tòa án ra thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo đúng quy định của pháp luật.

Nhận thấy hôn nhân giữa chị P, anh L không có hạnh P, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P là có cơ sở, cho chị P được ly hôn với anh L để chị P, anh L sớm ổn định cuộc sống gia đình là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2]. Về quan hệ nuôi dưỡng con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị P, anh L có 01 con chung là Mai Hoàng P, sinh ngày 18/5/2006.

Xét nguyện vọng nuôi con của chị P: Cháu P từ khi ly thân do chị P trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Khi ly hôn các bên đều có quyền được nuôi con, tuy nhiên trong suốt quá trình giải quyết vụ án anh L không có mặt tại Tòa án nên không ghi nhận được ý kiến của anh L đối với yêu cầu nuôi con của chị P. Do cháu P còn nhỏ và quen với môi trường chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ, Hội đồng xét xử nhận thấy cần giữ nguyên nếp sống sinh hoạt hiện nay nhằm đảm bảo ổn định tâm lý cho cháu P và phù hợp với nguyện vọng của cháu P nên chấp nhận nguyện vọng nuôi con của chị P là phù hợp với quy định của pháp luật.

Chị P không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét mức cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn. Khi nào có tranh chấp về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Do trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh L về yêu cầu này vì vậy khi nào có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

**[3]. Về án phí:** Chị P phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí DSST về ly hôn. Số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) chị P đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 006216 ngày 09/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai chuyển thành án phí.

**[4]. Về quyền kháng cáo:** Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Xét quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên*,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 28, 35, 39, 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 19, 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

**1**. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Ngọc P.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Ngọc P được ly hôn anh Mai Tấn L.

- Về con chung: Chị P, anh L có 01 con chung là Mai Hoàng P, sinh ngày 18/5/2006.

Giao cho chị Trần Thị Ngọc P trực tiếp nuôi dưỡng cháu Mai Hoàng P. Chị P không yêu cầu anh L cấp dưỡng nên không xem xét mức cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn. Anh L có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được gây trở ngại. Vì lợi ích của con chung các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tách ra giải quyết bằng vụ kiện khác khi phát sinh tranh chấp.

**2.** Về án phí: Chị P phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí DSST về ly hôn. Số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) chị P đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 006216 ngày 09/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai chuyển thành án phí.

**3**. Về quyền kháng cáo: Chị P, anh L có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***
- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THA huyện Tân Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã TC, huyện TP, tỉnh ĐN (để ghi vào sổ hộ tịch theo số 03/2004, quyển số 01/2004 ngày 09/02/2004);
- Lưu HS – LT.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Hồng Thạnh**